TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - ĐIỆN BIÊN** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2026/HNGĐ- ST
Ngày: 26/02/2026
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Ngọc
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Khắc Thiện và ông Khoàng Văn Hặc

- Thư ký phiên tòa: Ông Quàng Văn Long, là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Điện Biên, tỉnh Điện Biên;

Ngày 26 tháng 02 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Điện Biên, tỉnh Điện Biên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2025/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2025 về việc Ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lò Thị L
Địa chỉ: Bản M, xã P, tỉnh Điện Biên; (Vắng mặt)
- Bị đơn: Anh Lò Văn T
Địa chỉ: Bản M, xã P, tỉnh Điện Biên; (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 27/10/2025 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn chị Lò Thị L trình bày:

Về hôn nhân: Chị L và anh Lò Văn T chung sống với nhau từ năm 2012 nhưng đến ngày 22/10/2015 mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện M, tỉnh Điện Biên. Việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2022 thì thường xuyên mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do hai vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, không có con chung. Đến nay vợ chồng không còn tình cảm, không quan tâm đến nhau nữa và đã ly thân nhau từ năm 2022. Chị L xét thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên xin được ly hôn với anh T.

Về con: anh chị không có con chung, con riêng, con nuôi

Về quan hệ tài sản: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh T, đã triệu tập anh T đến Tòa án để giải quyết vụ việc nhưng anh T vẫn vắng mặt không

có lý do, không đến Tòa án để trình bày ý kiến và tham gia các phiên họp, phiên hòa giải, phiên tòa giải quyết vụ việc theo qui định.

Tại đơn xin xác nhận của chị Lò Thị L có xác nhận của UBND xã P thể hiện nội dung như trình bày trên của chị L. Chị L có đơn xin xét xử vắng mặt do bận công việc.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thủ tục thụ lý yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn: Ngày 13/11/2025 chị Lò Thị L nộp đơn khởi kiện đề ngày 27/10/2025 về việc Ly hôn tại Tòa án nhân dân Khu vực 4 – Điện Biên, tỉnh Điện Biên đối với anh Lò Văn T; Địa chỉ: Bản M, xã P, tỉnh Điện Biên. Chị L có quyền yêu cầu giải quyết ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Cùng ngày chị L được chấp nhận miễn nộp tiền tạm ứng án phí, Tòa án đã thụ lý vụ án để giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị L theo khoản 1 Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình và Điều 195 BLTTDS.

- Về thẩm quyền giải quyết: Yêu cầu ly hôn giữa chị Lò Thị L và anh Lò Văn T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Điện Biên, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Anh T được triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt tại phiên tòa, chị L có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1,3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện:

Về hôn nhân: Chị Lò Thị L và anh Lò Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện không ai bị mất năng lực hành vi dân sự, không bị ai ép buộc, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P vào ngày 22/10/2015, các bên kết hôn khi đã đủ điều kiện kết hôn. Do vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị L, anh T là hợp pháp. Quá trình chung sống hạnh phúc được một thời gian thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân hai vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, hiện không quan tâm đến nhau, không có con chung. Chính quyền địa phương cũng đã xác nhận tình trạng hôn nhân của hai anh chị. Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định việc hai vợ chồng không còn hạnh phúc, có mâu thuẫn như chị L trình bày là đúng. Xét tình trạng thực tế giữa hai vợ chồng, Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ xác định hai anh chị đã vi phạm nghĩa vụ của người chồng, người vợ dẫn đến không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình với nhau. Do đó, đã làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Cho nên, cần căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của chị L, giải quyết cho ly hôn giữa chị L với anh T.

Về con chung, con riêng, con nuôi: Chị L và anh T không có nên không đề cập xem xét.

Về tài sản và nợ: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[3] Về Án phí:

Hội đồng xét xử căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án cho chị L được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm của vụ án do chị L là người dân tộc thiểu số cư trú tại nơi có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn có đơn xin miễn tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, các khoản 1, 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/ 2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lò Thị L, cho ly hôn giữa chị Lò Thị L và anh Lò Văn T.

2. Về con chung, con riêng, con nuôi: không có, không đề cập giải quyết.

3. Về tài sản và nợ: Không đề cập giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lò Thị L được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Ngọc

Nơi nhận:
- *VKSND Khu vực 4 – Điện Biên;*
- *UBND xã Pa Ham;*
- *THADS tỉnh Điện Biên;*
- *Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án;*
- *Lưu VP;*